TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7- THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2025
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Ngọc Dung
2. Bà Lê Thị Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa*** *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Phạm Thị L; Sinh năm: 1985
HKTT: Khu 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Làng Ng, xã M, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038185014523; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
2.Bị đơn: Anh Phạm Văn T; Sinh năm: 1986
HKTT và địa chỉ hiện nay: Khu 1, xã T, tỉnh Thanh Hóa.
Số CCCD: 038086032277; Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2025 cũng trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N (Nay là xã M), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/12/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 8 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên nhiều lần có sảy ra cãi cọ, cuộc sống không hạnh phúc. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ hơn 01 năm nay và vợ chồng đã ly thân từ đó, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị T, sinh ngày 30/7/2012 và Phạm Nhật V, sinh ngày 29/6/2016. Hiện nay, cháu T đang ở với chị còn cháu V đang ở với anh T. Ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao cháu V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã Tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T vắng mặt nên không có ý kiến của anh T trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX) và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T; Về con chung: Giao cháu Phạm Thị T, sinh ngày 30/7/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật V, sinh ngày 29/06/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Trong vụ án có con chưa thành niên nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng nhưng VKS được biết.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt nên Tòa án đã mở phiên họp vắng mặt anh T và đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Chị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 4 Điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[5]. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N (Nay là xã M), tỉnh Thanh Hóa ngày 15/12/2011 và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng hòa thuận được khoảng 8 năm thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa

hợp, không có tiếng nói chung nên hay sảy ra bất đồng, cuộc sống không hạnh phúc. Chị L và anh T đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận, đồng thời cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

[6]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Phạm Thị T đang ở với chị L, còn cháu Phạm Nhật V đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Bản thân cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ còn cháu V có nguyện vọng được ở với bố. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Phạm Thị T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật V, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[7]. Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị T, sinh ngày 30/7/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Nhật V, sinh ngày 29/06/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 - Thanh Hóa), theo biên lai số BLTU/25/0001467 ngày 16/7/2025. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Phạm Thị L và anh Phạm Văn T. Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã M;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Cúc